



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán Bảo Việt

Ngày 31/12/2025	29,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.7%	-	-

DT thuần Q4/25
9.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼40.6 -80.3%
YoY: ▲ 5.65 131%

LN thuần Q4/25
1.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.08 204%
YoY: ▲ 0.72 80.8%

LN sau thuế Q4/25
20.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.60 75.5%
YoY: ▲ 11.9 148%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
1368%
YoY: +/-▼ 531%

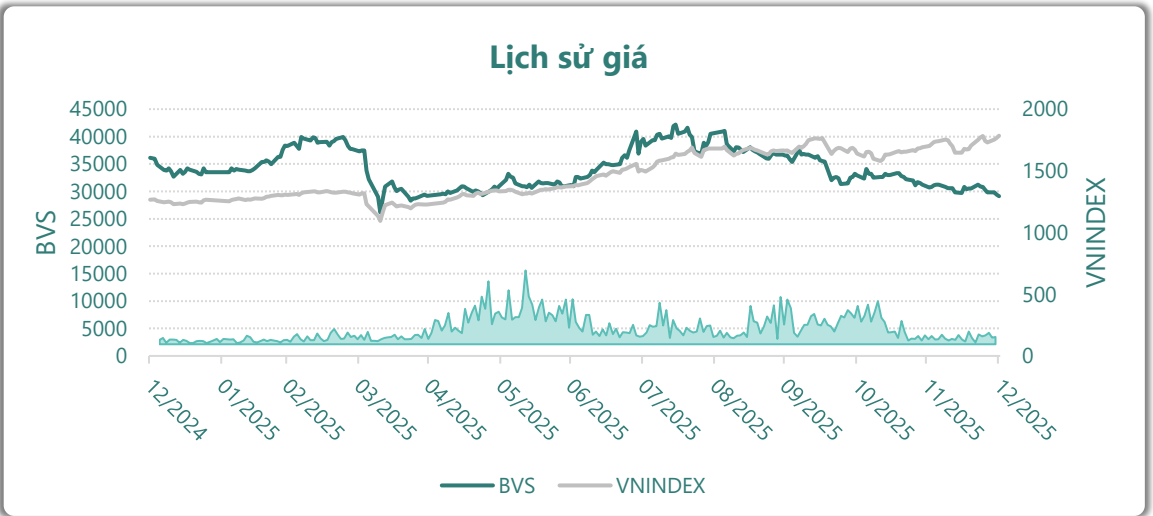
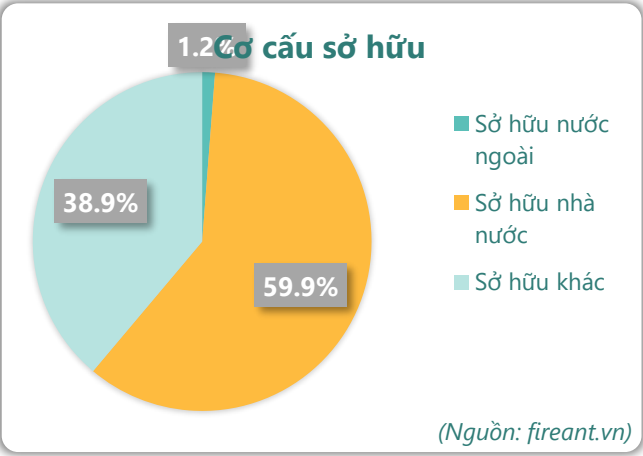
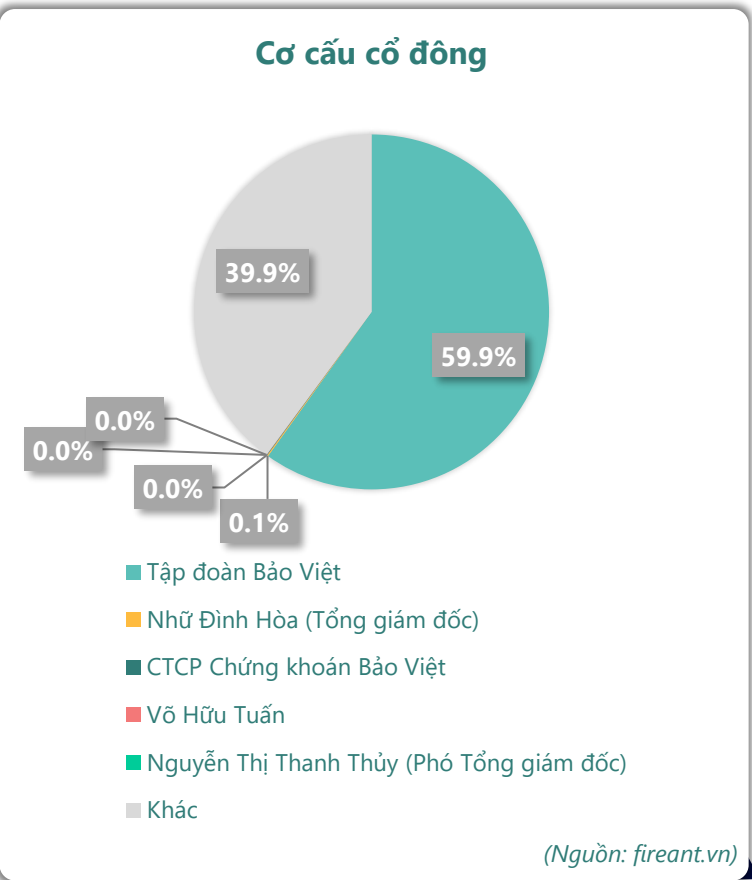
ROE 2025

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	26,169 - 42,184
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,101
Số lượng CPLH (CP)	72,200,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)	142,540
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	1.62
EPS	3,114
P/E	9.3

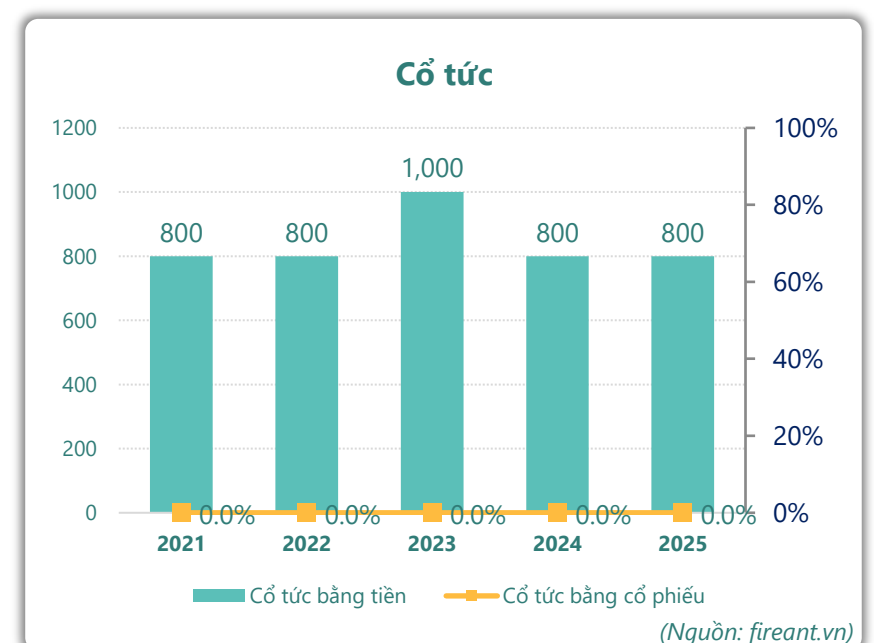
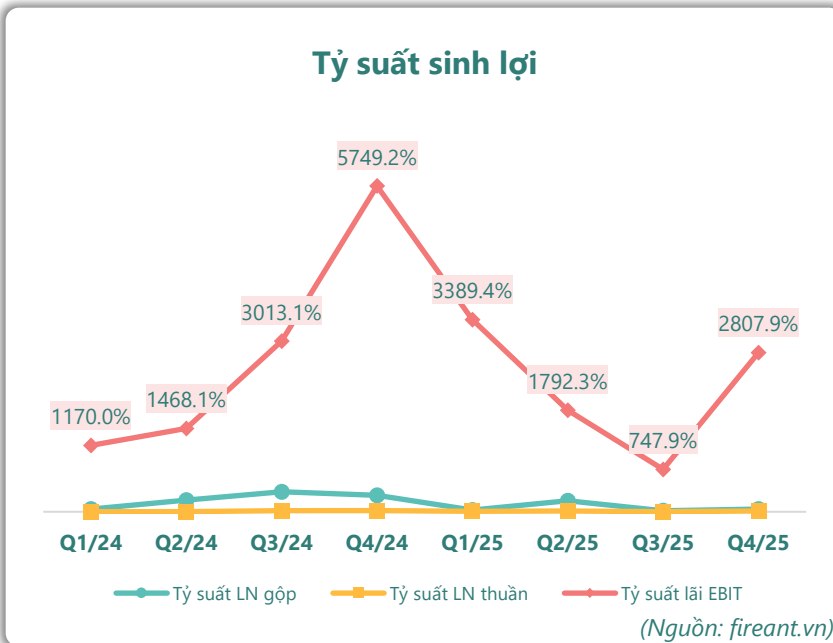
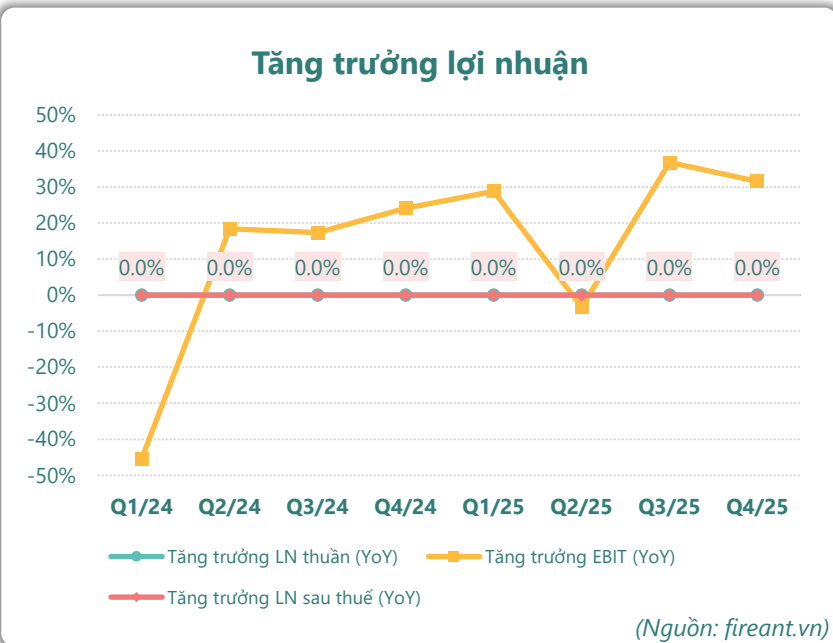
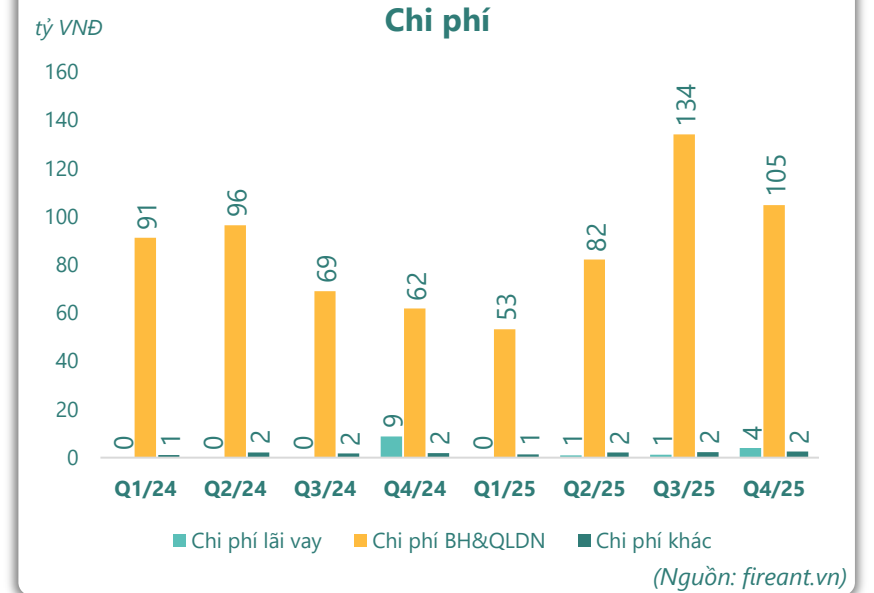
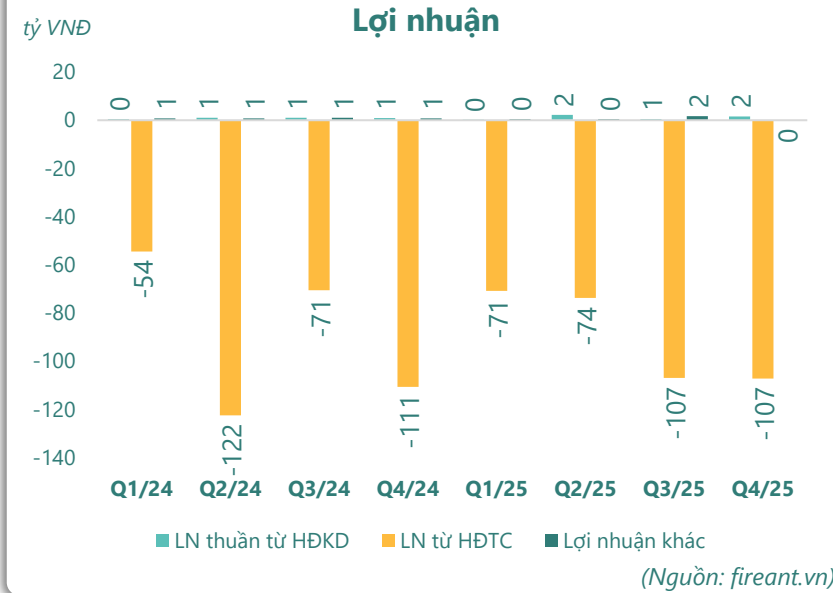
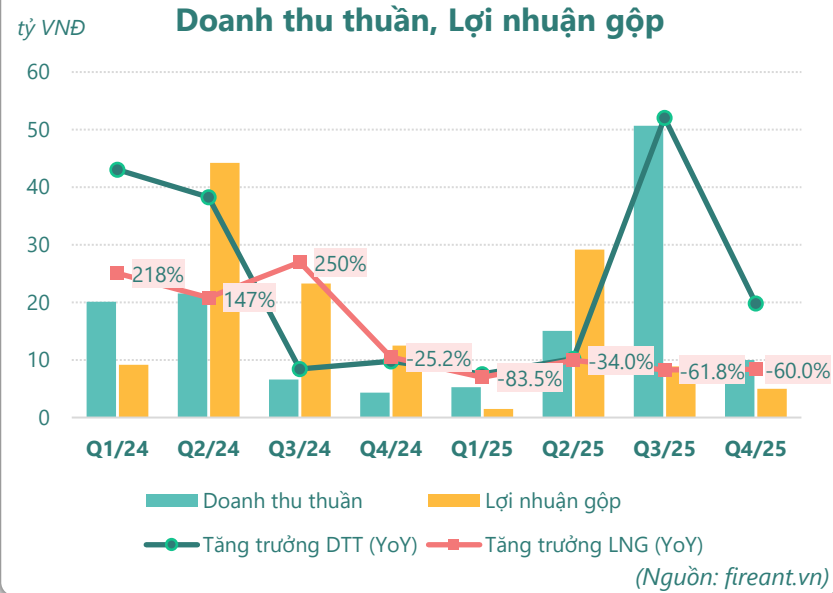
DT thuần 2025
81.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.4 53.9%

LN thuần 2025
4.59
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.12 32.2%

LN sau thuế 2025
47.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.80 -5.6%



KẾT QUẢ KINH DOANH





TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

Tổng TS

2021 2022 2023 2024 2025

Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

100%
90%
80%
70%
60%
50%
40%
30%
20%
10%
0%

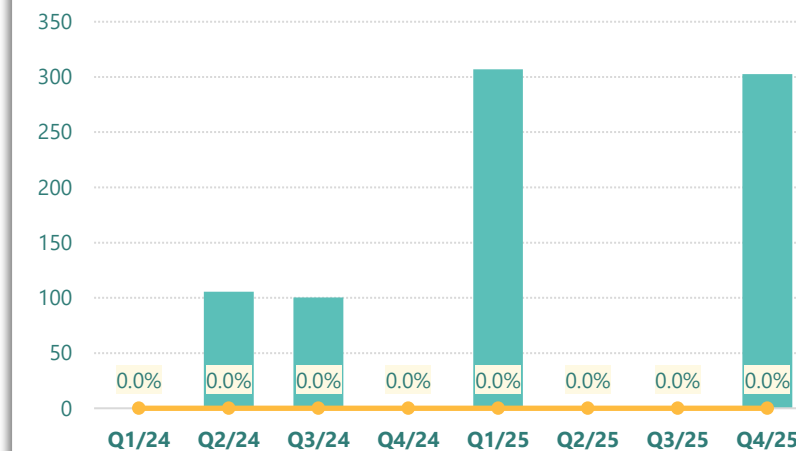
2021 2022 2023 2024 2025

Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

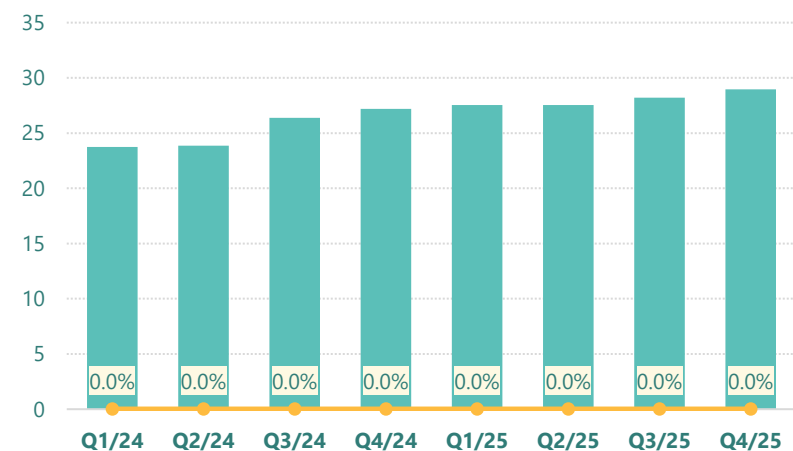


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

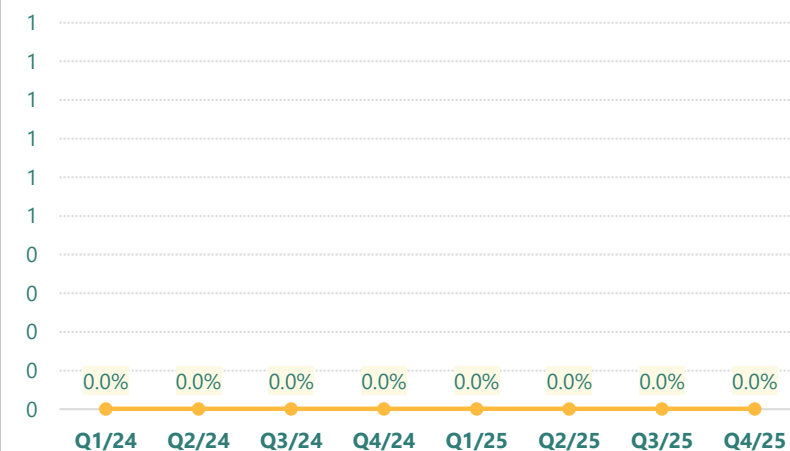


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

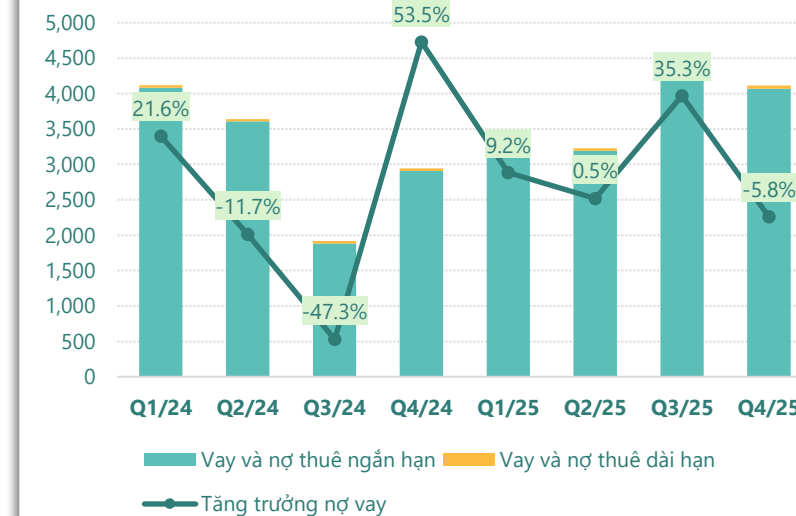


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

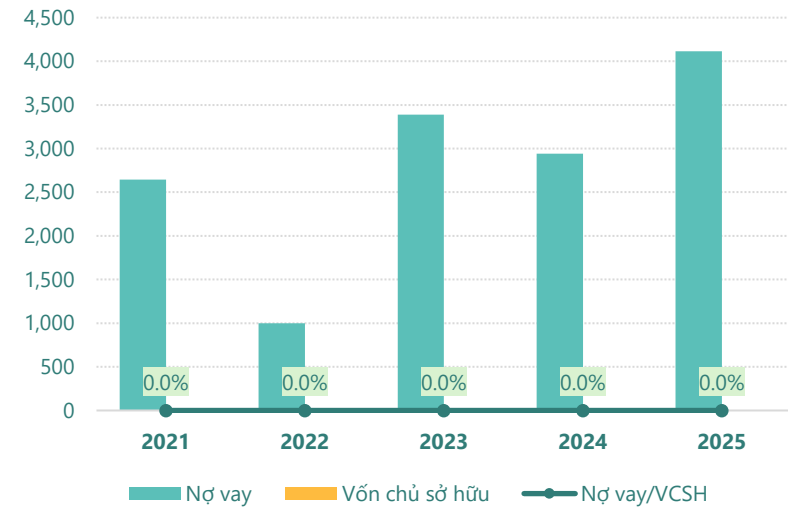
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



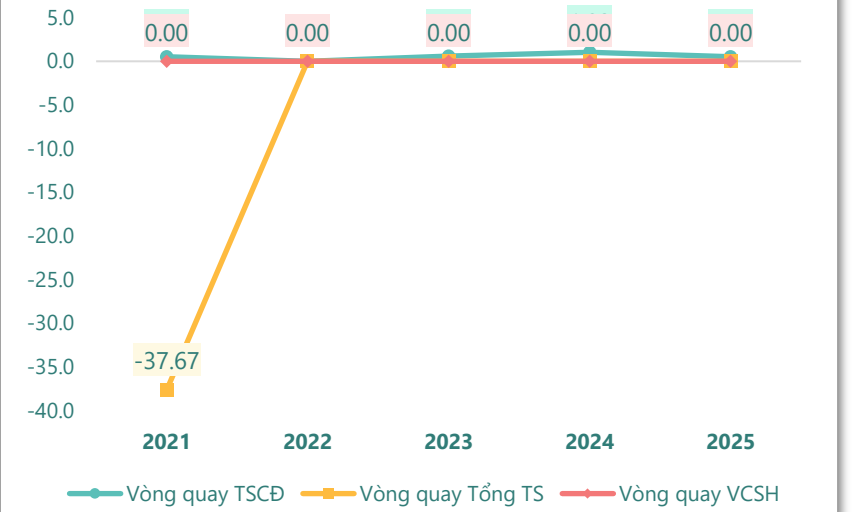
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



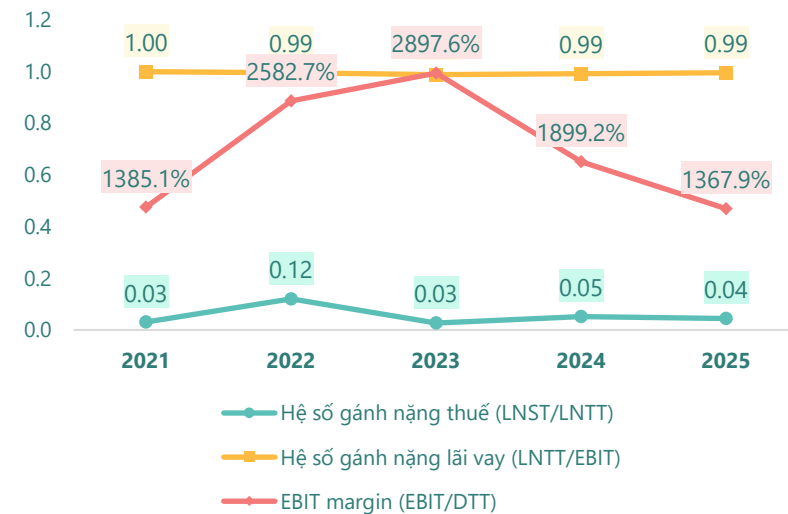
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



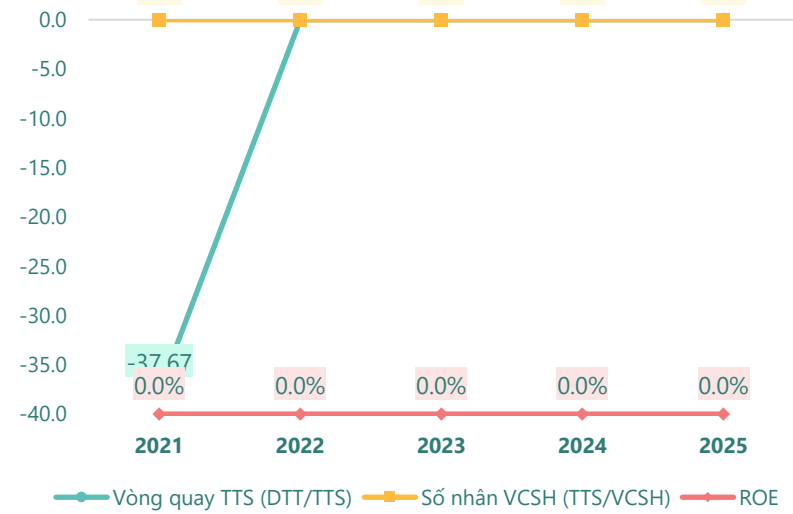
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



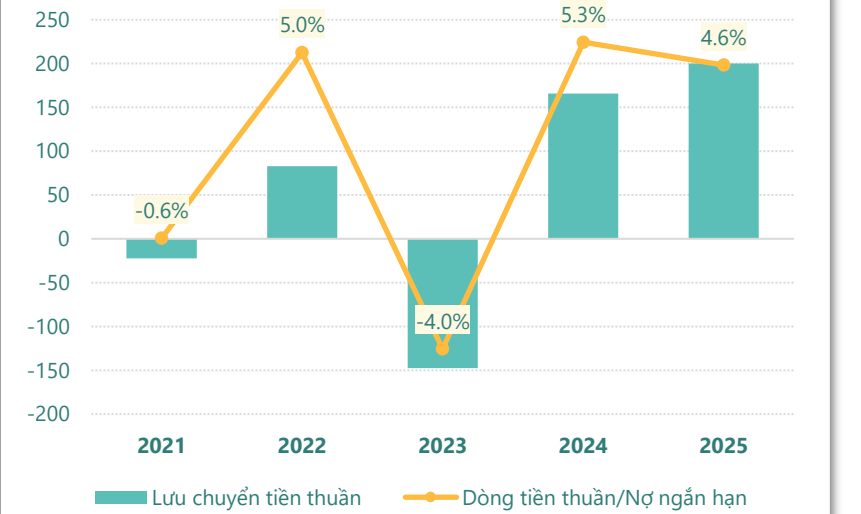
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	9.97	4.32	131%	81.0	52.6	53.9%
Giá vốn hàng bán	8.34	10.1	-17.4%	72.4	44.1	64.1%
Lợi nhuận gộp	5.00	12.5	-60.0%	44.6	89.2	-50.0%
Doanh thu HĐTC	16.4	13.9	17.9%	74.4	52.7	41.0%
Chi phí TC	124	124	-0.3%	433	411	5.4%
Chi phí lãi vay	4.00	8.84	-54.8%	6.28	8.84	-28.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	105	61.9	69.2%	374	319	17.5%
Chi phí QLDN	0.01	0.00		0.04	0	
LN thuần từ HĐKD	1.61	0.89	80.8%	4.59	3.47	32.2%
Lợi nhuận khác	-0.25	0.81	-131%	2.34	3.41	-31.4%
LN trước thuế	276	240	15.0%	1,101	991	11.2%
Lợi nhuận sau thuế	20.0	8.07	148%	47.8	50.6	-5.6%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	891	-897	-361	146	-957	496
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.53	-1.78	-5.58	-0.82	-0.77	-1.44
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,677	1,062	212	-18.5	826	-136
Tiền đầu kỳ	793	4.57	168	13.9	141	9.27
Lưu chuyển tiền thuần	-788	163	-154	127	-132	359
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.57	168	13.9	141	9.27	368

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	6,480	5,081	27.5%
Tiền và tương đương tiền	6,474	5,075	27.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	169	165	2.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	5.36	5.91	-9.3%
Phải thu dài hạn	0.09	0.07	42.4%
Tài sản cố định	303	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	29.0	27.2	6.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.41	2.18	10.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,375	3,153	38.7%
Nợ ngắn hạn	4,329	3,119	38.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,070	2,909	39.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	45.5	34.3	32.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

